

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định Chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng
nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Văn bản số 274/VPĐP-ĐPNV ngày 03/10/2014; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1060/BC-STP ngày 26/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch

UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UB;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL₁.
- Gửi: Bản giấy và điện tử.

note

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH

**Về Chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới
thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I. QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có Quy hoạch nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường)	Đạt
		1.2. Quy hoạch được công bố rộng rãi tới các thôn; niêm yết bản đồ quy hoạch tại trụ sở xã, các nhà văn hoá thôn và một số nút giao thông chính của xã	Hoàn thành
		1.3. Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các tuyến đường giao thông, khu trung tâm hành chính xã, các khu chức năng và khu vực cấm xây dựng theo quy hoạch	100%
		1.4. Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 70%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (70% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	≥ 70%
		2.5. Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước 2 bên đường	≥ 70%
		2.6. Đường trục xã có trồng cây bóng mát, khoảng cách cây tùy loại cây nhưng đảm bảo có khả năng giao tán sau khi cây trưởng thành.	≥ 80%

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	≥ 85%
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	≥ 80%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Đạt
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	100%
		6.3. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh	- Năm 2014: ≥ 50% đã triển khai trồng - Từ năm 2015: 70%
7	Chợ nông thôn	7.1. Nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ do UBND tỉnh phê duyệt	Đạt
		7.2. Đáp ứng các tiêu chuẩn về công trình kỹ thuật và điều hành quản lý chợ theo quy định	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt
		8.2. Xã có Internet đến thôn	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát	Đạt
		9.2. Tỷ lệ nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	≥ 80%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm	2014: 22 Triệu đồng 2015: 35 Triệu đồng 2020: 65 Triệu đồng
		10.2. Có tối thiểu 03 mô hình sản xuất kinh doanh lớn (doanh thu trên 01 tỷ đồng/năm), 05 mô hình sản xuất kinh doanh vừa (doanh thu từ 501 triệu đồng đến 01 tỷ đồng/năm), 15 mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ (doanh thu từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng) được thành lập mới trong giai đoạn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và 30% hộ dân sản xuất kinh doanh có liên kết. Riêng năm 2014: có tối thiểu 01 mô hình sản xuất kinh doanh lớn, 03 mô hình sản xuất kinh doanh vừa, 10 mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ	Đạt

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	$\leq 5\%$
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Số lao động có việc làm thường xuyên trong tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng và có nhu cầu về việc làm. (Số ngày làm việc bình quân tháng: 20 ngày, số giờ làm việc bình quân trong ngày: 6 giờ)	$\geq 90\%$
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tối thiểu: 05 hợp tác xã, 03 tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp; có 03 doanh nghiệp. Riêng năm 2014: có tối thiểu 01 hợp tác xã, 01 tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp; có 01 doanh nghiệp	Đạt
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	$\geq 85\%$
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$> 35\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	$\geq 70\%$
		15.2. Xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế, trong đó Trạm Y tế đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế	Đạt
16	Văn hoá	Xã có từ 70% thôn trở lên được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hoá” liên tục từ 05 năm trở lên	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia: 85% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 50% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Quốc gia	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt chuẩn về môi trường	$\geq 90\%$ (10% còn lại đang khắc phục)
		17.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường	Đạt
		17.4. Nghĩa trang có quy hoạch, được xây dựng và quản lý theo quy hoạch	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
19	An ninh, trật tự xã hội	19.1. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, khiêu khích đông người kéo dài	Đạt
		19.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn trong 2 năm liên tục (một năm trước năm công nhận và năm xét công nhận)	Đạt
		19.3. Tỷ lệ thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự	$\geq 70\%$
		19.4. Trong 2 năm liên tục (một năm trước năm công nhận và năm xét công nhận) Công an xã đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến trở lên	Đạt

Đối với Khu dân cư: phải có ít nhất 1 Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn (Riêng trong năm 2014 (mới triển khai) thì mức độ tối thiểu bằng 70% yêu cầu) và các Khu dân cư của các thôn khác tối thiểu đạt 50% yêu cầu của Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (Riêng năm 2014, các Khu dân cư của các thôn khác đều đã triển khai Phương án xây dựng)/.

uol
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn